

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HS-PT

Ngày: 04-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường 2 - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 556/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Dương Văn Vũ L cùng đồng phạm; do có kháng cáo của Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Văn Vũ L, sinh năm 1990; nơi sinh: Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; vợ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993, có 01 người con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 21/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A tuyên phạt 04 năm 03 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 04/2014/HSST.

+ Ngày 30/5/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố A, tỉnh Bình Dương) tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp chung với bản án số: 04/2014/HSST ngày 21/01/2014,

của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A là 07 năm 09 tháng tù. Ngày 21/12/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 25/12/2019, đóng xong toàn bộ án phí.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/6/2023, đến ngày 28/6/2023 bị tạm giam cho đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Dương Lưu T, sinh ngày 16/6/2006; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương H, sinh năm 1968 và bà Lưu Thị Phi L, sinh năm 1978; vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ 19/6/2023, đến ngày 28/6/2023 bị tạm giam cho đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- **Bị hại:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: khu phố H, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:** Ông Dương H, sinh năm 1968 và bà Lưu Thị Phi L, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Bình Thuận. (Ông H có mặt, bà L vắng mặt)

- **Người bào chữa của bị cáo T:** Bà Nguyễn Thị L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 13/6/2023, T đến nhà L chơi thì được L rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày L điều khiển xe mô tô biển số 86B7-....76 chở theo T đi theo hướng từ huyện L đến đoạn đường V, thuộc khu phố H, phường B, thành phố K, L thấy phía trước có ông Trần Văn Th, sinh năm 1965 đang điều khiển xe mô tô biển số 60B2-.....23, chở theo vợ là bà Trần Thị N, sinh năm 1966 cùng ngụ tại khu phố H, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai và một cháu nhỏ. Trên cổ bà N có đeo một sợi dây chuyền vàng. Thấy vậy, L và T điều khiển xe theo sau đến trước cổng Nhà thờ Chánh Tòa L, thuộc khu phố H, phường B, thành phố K, L áp sát xe, T ngồi phía sau dùng tay phải

giật lấy sợi dây chuyền trên cổ bà N, làm xe của ông T ngã xuống đường, rơi lại mặt dây chuyền trên đường. Sau đó, cả hai nhanh chóng chạy thoát ra hướng Quốc lộ 1A. Đến khoảng 16 giờ chiều ngày 14/06/2023, cả hai đem sợi dây chuyền giật được đến tiệm vàng Anh Đ tại thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận do anh Võ Văn Đ, sinh năm 1974, ngụ tại khu C, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận làm chủ, bán được 16.700.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi bán xong L chia cho T 6.500.000 đồng, L hưởng 10.200.000 đồng.

Cũng thủ đoạn tương tự, khoảng 16 giờ ngày 18/6/2023, L rủ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996, ngụ tại thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bình Thuận đi cướp giật tài sản. L đưa xe mô tô biển số 86B7-....76 cho T điều khiển chở L ngồi sau đi từ huyện L theo Quốc lộ 1A qua các tuyến đường trên địa bàn thành phố K hướng về huyện B tìm kiếm người dân sơ hở cướp giật. Khi cả hai đang dừng xe tại Khu Công Nghiệp thuộc huyện B để tìm kiếm tài sản thì bị Công an thành phố K nghi vấn mời về làm việc. Quá trình làm việc, L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đến khoảng 22 giờ ngày 18/6/2023, Công an bắt được T, qua làm việc T cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

- Tại kết luận định giá số: 77/HĐĐGTSTTTHS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Long Khánh xác định:

+ Một sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,2 chỉ, chưa thu hồi được tang vật (thời điểm 13/6/2023), có giá trị 16.640.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Một mặt dây chuyền có đính hạt màu xanh, loại vàng 18k, trọng lượng 1,23 chỉ (thời điểm 13/6/2023), có giá trị 3.936.000đ (ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 mặt dây chuyền có đính hạt màu xanh, loại vàng 18k, trọng lượng 1,23 chỉ. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị N (Bút lục số 60).

Thu giữ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 86B7-....76; 01 bình xịt hơi cay màu xanh hiệu Nato; số tiền 730.000 đồng (bảy trăm ba mươi nghìn đồng); 01 mũ bảo hiểm màu xám; 01 đôi dép da màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ và 01 quần Jean màu xám của Dương Văn Vũ L. Thu giữ 01 áo sơ mi dài tay màu xanh sọc; 01 quần Jean màu xanh đen của Dương Lưu T. Hiện số tiền 730.000 đồng (bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đã được chuyển đến Kho bạc Nhà nước Long Khánh. Các vật chứng còn lại đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo quy định của pháp luật (Bút lục số 49 đến 52).

Về dân sự: Bà Trần Thị N đã nhận bồi thường số tiền 16.700.000đ (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Ngọc H (vợ Dương Văn Vũ L) và bà Lưu Thị Phi L (mẹ ruột bị cáo Dương Lưu T) đã bồi thường xong. Người bị hại đã làm đơn bãi nại cho các bị cáo.

2. *Quyết định của cấp sơ thẩm:*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, đã xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Văn Vũ L; Dương Lưu T phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo Dương Văn Vũ L.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 58; Điều 90; 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo Dương Lưu T.

- Căn cứ Điều 136; 260; 293; 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Vũ L 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

Xử phạt: Bị cáo Dương Lưu T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. *Kháng cáo:* Ngày 14/11/2023, bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

5. *Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:*

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án: xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần có mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Về nhân thân của các bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo mức án là phù hợp và có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Các bị cáo không cung cấp tình tiết mới cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Thuận:* Về tội danh và hình phạt thống nhất. Tuy nhiên, đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T. Sau khi thực

hiện hành vi phạm tội đã ăn năn hối cải và đã khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và một số tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyên nhân bị cáo phạm tội còn nhỏ tuổi thiếu suy nghĩ do bị rủ rê, lôi kéo, khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 27 ngày chưa phát triển đầy đủ trí tuệ, nên cần cảm thông và chia sẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự. Ba mẹ ly hôn nên thiếu sự chăm sóc của gia đình. Bị hại đã có đơn bãi nại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, 91 Bộ luật hình sự về biện pháp áp dụng cho người dưới 18 tuổi khi phạm tội, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2023, Dương Văn Vũ L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 86B7-....76 chở theo Dương Lưu T đi cướp giật tài sản. Khi đến đoạn đường V, thuộc khu phố H, phường B, thành phố K thấy ông Trần Văn T đang điều khiển xe mô tô lưu thông phía trước chở theo vợ là bà Trần Thị N và một cháu nhỏ, trên cổ bà N có đeo một sợi dây chuyền nên L điều khiển xe bám sát để T giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,2 chỉ, có trị giá 16.640.000đ và 01 mặt dây chuyền có đính hạt màu xanh, loại vàng 18k, trọng lượng 1,23 chỉ, có giá trị 3.936.000đ trên cổ bà N, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi lợi dụng sơ hở của bà Trần Thị N đang ngồi sau xe mô tô ông T điều khiển đi trên đường V, bị cáo L và bị cáo T dùng xe máy chạy áp sát giật tài sản là sợi dây chuyền vàng của bà N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung tăng nặng “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Ngày 14/11/2023, bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của con người, mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân và yếu tố tiềm ẩn phát sinh các loại tội phạm khác, làm gia tăng tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng.

Bị cáo L có nhân thân không tốt, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A và Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương xét xử về tội “Cướp giật tài sản”, sau khi chấp hành án bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Đồng thời, bị cáo L là người rủ bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T mặc dù khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 11 tháng 27 ngày nhưng khi được bị cáo L rủ đi cướp tài sản bị cáo tham gia tích cực là người trực tiếp thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền của bị hại. Nên cần phải có hình phạt nghiêm để trừng trị, cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, có xem xét cho các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã bồi thường cho bị hại. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được cấp sơ thẩm xem xét. Các bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn Vũ L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn Vũ L 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 58, 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015*(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Lưu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Lưu T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

2. Về án phí: Các bị cáo Dương Văn Vũ L, Dương Lưu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- VKSND TP.Long Khánh (1);
- TAND TP.Long Khánh (2);
- CC THADS TP.Long Khánh (1);
- Sở tư pháp T.Đồng Nai (1);
- CQCSĐT TP.Long Khánh (1);
- Phòng HSNVCA T.Đồng Nai-PV27 (1);
- Trại tạm giam CA T.Đồng Nai (4)
- Bị cáo (2);
- Lưu (7).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Đào

